

Số: 1045/TB-TTYT

Thanh Hà, ngày 13 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế Thanh Hà có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm thiết bị y tế là Bơm tiêm điện phục vụ công tác chuyên môn tại đơn vị, nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế Thanh Hà

- Đại diện: Ông Đoàn Hải Quân
- Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 094 4358859

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Người nhận: DS Nguyễn Thị Mai
- Chức vụ: Trưởng khoa Dược - TTB - VTYT
- Điện thoại: 098 5599616

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Bản pdf có chữ ký và đóng dấu của người đại diện theo pháp luật của đơn vị cùng bản mềm (word, excel) và bản scan các hồ sơ, tài liệu có liên quan (catalogue; datasheet ...)

- Nhận qua địa chỉ thư điện tử: kduocbvth@gmail.com
- Nhận qua văn thư Trung tâm Y tế Thanh Hà (Địa chỉ: 209 Trần Nhân Tông, xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 13/8/2025 đến ngày 22/8/2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 22/8/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị: Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo
2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt, vận chuyển, bảo quản thiết bị: Trung tâm Y tế Thanh Hà.
ĐC: 209 Trần Nhân Tông, xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng.
3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý III năm 2025.
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng
 - Tạm ứng: theo quy định hiện hành
 - Thanh toán hợp đồng: Sau khi bàn giao, nghiệm thu thiết bị, bàn giao hồ sơ, tài liệu liên quan và hóa đơn tài chính hợp lệ.

5. Hồ sơ chào giá bao gồm:

- + Các hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi báo giá theo mẫu **Phụ lục** đính kèm
- + Quyết định trúng thầu hoặc hợp đồng tương tự cung cấp hàng hóa đã ký trong thời gian 12 tháng gần đây (nếu có).
- + Catalog, tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (nếu có).

Trung tâm Y tế Thanh Hà kính mời các Hãng sản xuất, nhà cung cấp có năng lực, kinh nghiệm và khả năng cung cấp tham gia báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên.

Trung tâm Y tế Thanh Hà cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KD, KT.

GIÁM ĐỐC



Đoàn Hải Quân



Phụ lục 1
MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thông báo yêu cầu báo giá số 1045/TB-TTYT ngày 13/8/2025 của TTYT Thanh Hà)

TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế Thanh Hà

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế Thanh Hà, chúng tôi[Ghi tên, địa chỉ nhà cung cấp] báo giá cung cấp thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cung cấp thiết bị y tế

STT	Tên thiết bị	Nhãn hiệu/ model/ Xuất xứ	Mã HS	Cấu hình và tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (VND)
1								
...								

(Gửi kèm theo các tài liệu về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị (nếu có))

2. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trên báo giá là trung thực.

3. Báo giá này có hiệu lực trong vòng tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2025.

....., ngàythángnăm ...

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 2
CẤU HÌNH, TÍNH NĂNG VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN CỦA THIẾT BỊ
(Kèm theo Thông báo yêu cầu báo giá số 1045/TB-TTYT ngày 13/8/2025 của TTYT Thanh Hà)

STT	Tên thiết bị	Yêu cầu chung về cấu hình, tính năng và thông số kỹ thuật		Đơn vị	Số lượng
1	Bơm tiêm điện	Có thể sử dụng các loại bơm tiêm:	5mL, 10mL, 20mL, 30mL, 50/60mL của nhiều nhãn Bơm tiêm của nhiều hãng sản xuất khác nhau	Cái	10
		Chế độ đặt liều	Có các chế độ: mL/h, µg/kg/m, mg/kg/h		
		Tốc độ tiêm:	0,01 đến 1200,00 mL/h + 0,01 đến 150,00 mL/h (sử dụng ống tiêm 5mL) + 0,01 đến 300,00 mL/h (sử dụng ống tiêm 10,20,30 mL) + 0,01 đến 1200,00 mL/h (sử dụng ống tiêm 50/60 mL) Bước đặt: + 0,01 mL/h (tốc độ từ 0,01 đến 10,00 mL/h) + 0,10 mL/h (tốc độ từ 10,00 đến 100,00 mL/h) + 1,00 mL/h (tốc độ từ 100,00 đến 1200,00 mL/h) Cài đặt tốc độ bằng núm xoay		
		Thể tích dịch định tiêm:	0,10 đến 100,00 mL (bước đặt 0,10 mL) 100,00 đến 9999,00 mL (bước đặt 1,00 mL) Có chế độ không đặt giới hạn dịch tiêm, hiển thị “----.”		
		Cài đặt thời gian tiêm:	1 phút đến 99 giờ 59 phút (bước đặt 1 phút) Có chế độ không đặt giới hạn thời gian, hiển thị “----.”		
		Dải cài đặt liều:	0,01 tới 10,00 (bước đặt 0,01) 10,00 tới 100,000 (bước đặt 0,10) 100,00 tới 999,00 (bước đặt 1,00) Đơn vị: µg/kg/m và mg/kg/h		
		Cài đặt cân nặng bệnh nhân	Từ 0.1 đến 300 kg (bước đặt 0.1kg)		
		Dải nồng độ pha loãng	0.01 tới 10.00 (0.01 mg/mL) 10.00 tới 100.00 (0.10 mg/mL) 100.00 tới 999.00 (1.00 mg/mL)		
		Dải cài đặt lượng thuốc	0.01 tới 10.00 (0.01 µg hoặc mg) 10.00 tới 100.00 (0.10 µg hoặc mg) 100.00 tới 999.00 (1.00 µg hoặc mg)		



Dải cài đặt dung dịch pha thuốc:	0.01 tới 10.00mL (bước đặt 0.01mL) 10.00 tới 100.00mL (bước đặt 0.10mL) 100.00 tới 999.00mL (bước đặt 1.00mL)
Tốc độ tiêm nhanh (Bolus) khi ấn và giữ phím:	100,00 mL/h (sử dụng bơm tiêm 5 mL) 100,00 đến 300,00 mL/h (sử dụng bơm tiêm 10,20,30 mL) 100,00 đến 1200,00 mL/h (sử dụng bơm tiêm 50/60 mL) (bước đặt 100,00 mL/h)
Thể tích dịch tiêm nhanh khi không cần ấn và giữ phím:	0,01 đến 10,00 mL (bước đặt 0,01) 10,00 đến 100,00 mL (bước đặt 0,10) 100,00 đến 999,00 mL (bước đặt 1,00)
Dải cài đặt thời gian đặt liều khi không ấn và giữ phím	Từ: 1s tới 60 phút (bước đặt 1s)
Hiển thị thể tích dịch đã tiêm:	0,00 đến 10,00 mL (bước đặt 0,01 mL) 10,00 đến 100,00 mL (bước đặt 0,10 mL) 100,00 đến 9999,00 mL (bước đặt 1,00 mL)
Độ chính xác:	±1%
Áp lực báo tắc đường truyền:	10 đến 120 kPa (Có 10 mức để cài đặt)
Tốc độ Purge:	Khoảng 150 mL/h (sử dụng bơm tiêm 5 mL) Khoảng 300 mL/h (sử dụng bơm tiêm 10 mL) Khoảng 400 mL/h (sử dụng bơm tiêm 20 mL) Khoảng 500 mL/h (sử dụng bơm tiêm 30 mL) Khoảng 1200 mL/h (sử dụng bơm tiêm 50/60 mL)
* Báo động trong các trường hợp:	+ Tắc đường tiêm truyền + Gắn hết dịch + Đuôi piston của bơm tiêm lắp không đúng + Thân của bơm tiêm lắp không đúng +Ắc quy yếu + Báo động lại + Nhắc ấn phím START. + Chưa cài đặt tốc độ tiêm + Chưa cài đặt thể tích dịch định tiêm + Tốc độ truyền đặt lớn hơn giới hạn thể tích dịch định truyền + Hoàn thành thể dịch đặt trước.
* Các chức năng an toàn:	+ Cài đặt báo động gắn hết dịch bằng thời gian + Chọn áp lực báo tắc đường tiêm ở 10 mức + Giảm bolus: giảm áp lực trong bơm tiêm khi gặp báo động tắc nghẽn

		+ Cài đặt giới hạn dài tốc độ A (Soft limits) + Cài đặt giới hạn dài tốc độ B (Hard limits) + Khóa bàn phím để tránh ấn nhầm phím khi máy đang hoạt động		
		* Các chức năng khác: + Hiện thị hướng dẫn lắp bơm tiêm trên màn hình LCD + Hiện thị nhãn và cỡ bơm tiêm trên màn hình LCD + Chuyển đổi kiểu bơm tiêm + Cài đặt thể tích dịch định tiêm + Cài đặt thời gian định tiêm + Có âm báo ở chế độ Purge/Bolus + Xóa thể tích dịch đã tiêm + Chức năng chờ + Tạm thời loại bỏ chức năng nhắc nhở ấn phím START. + Cài đặt thời gian chờ theo yêu cầu: lên tới 24 giờ + Điều chỉnh âm lượng chuông báo động + Điều chỉnh âm lượng bàn phím + Có âm báo khi ấn phím STOP + Điều chỉnh độ sáng của màn hình LCD + Đặt và báo thời gian bảo trì thiết bị từ 1 đến 36 tháng + Cài đặt ngày, giờ + Lưu và xem dữ liệu: xấp xỉ 10.000 sự kiện + Phát hiện có nguồn điện lưới AC + Có âm báo khi phát hiện: + Có nguồn điện lưới AC + Duy trì đường ven mở + Xóa thể tích dịch đã tiêm khi máy đang hoạt động + Thay đổi tốc độ khi máy đang hoạt động + Chọn giai điệu âm thanh báo động. + Có 18 ngôn ngữ để lựa chọn hiển thị + Đặt bước cài đặt 100 lần để rút ngắn thời gian cài đặt + Tiêm nhanh (Bolus) bằng cách ấn và giữ phím + Tiêm nhanh (Bolus) không cần ấn và ấn phím + Có âm báo khi tắt nguồn + Chức năng lựa chọn chế độ đặt liều + Chức năng hiển thị thông tin chế độ đặt liều + Chức năng tính nồng độ pha loãng dựa trên lượng thuốc và dung dịch pha thuốc		

		* Điều kiện hoạt động:	+ Nhiệt độ: 5 đến 40°C + Độ ẩm: 20 đến 90% (Không ngưng tụ)		
		* Điều kiện bảo quản:	+ Nhiệt độ: -20 đến 45°C + Độ ẩm: 10 đến 95% (Không ngưng tụ)		
		* Điều kiện vận chuyển:	+ Nhiệt độ: -20 đến 60°C + Độ ẩm: 10 đến 95% (Không ngưng tụ)		
		* Điện áp:	+ Dải rộng 100 đến 240VAC, 50-60Hz + Có trang bị ắc quy lithium ion trong máy, hoạt động liên tục khoảng 12 tiếng (Ắc qui mới, nạp đầy, tốc độ 5 mL/h, nhiệt độ xung quanh 25 °C) + Thời gian nạp ắc qui: ≥ 8h. Ắc qui được nạp 80% chỉ trong vòng 3 giờ + Có trang bị pin phụ để cảnh báo lỗi nguồn trong trường hợp mất điện lưới và ắc qui hỏng (Hiển thị mức dung lượng và mức sạc của ắc qui trong máy trên màn hình LCD với 5 vạch)		
		* Công suất tiêu thụ:	24VA		
		* Phân loại:	Class 1, có nguồn trong, kiểu CF, hoạt động liên tục, IP24		
		* Kích thước:	381mm (rộng) x 120mm (cao) x 112mm (sâu)		
		* Trọng lượng:	Khoảng 2.0 kg		